

Bản án số: **85/2025/DS - ST**

Ngày: 27 – 8 – 2025

*V/v Tranh chấp chia di sản
thừa kế theo pháp luật*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng;

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong hai ngày 20 tháng 8 năm 2025 và ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 544/TB – TA ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965, Hộ chiếu số Q00236xxx do Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại HIU-XTON cấp ngày 12/01/2023; địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 5xx R, L, TX 78xxx, United States of America.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thuý K, sinh năm 1994, CCCD số 049194017xxx; địa chỉ liên hệ: 3xx đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lý Vinh H, Thẻ Luật sư số 11xxx/LS do Liên Đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 28/7/2016 – Luật sư Công ty TNHH M thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: 3xx đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1951; CCCD số 048051000xxx; Địa chỉ: K4x/0x Đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hà Đồng T, Thẻ Luật sư số 6xx/LS do Liên Đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 01/8/2010 – Luật sư VPLS Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: 6x đường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị X (tên đăng ký ở nước ngoài: X TRAN), sinh năm 1949; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 27xx D St, H, CA 94xxx, United States of America. Vắng mặt

3.2. Bà Nguyễn Thị N (tên đăng ký ở nước ngoài: NGUYEN, N THI), sinh năm 1953, Hộ chiếu số 519834xxx do USA cấp; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 13xx R, R, TX 78xxx, United States of America. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.3. Bà Nguyễn Thị Hồng T (tên đăng ký ở nước ngoài: NGUYEN, T THI), sinh năm 1956, Hộ chiếu số 589904xxx do USA cấp; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 30xx D, J, F, United States of America. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.4. Ông Nguyễn H (tên đăng ký ở nước ngoài: NGUYEN H), sinh năm 1958, Hộ chiếu số 510999xxx do USA cấp; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 2xxx C, P City, F, United States of America. Vắng mặt

3.5. Ông Nguyễn H (tên đăng ký ở nước ngoài: (H NGUYEN) (NGUYEN H), sinh năm 1960, Hộ chiếu số 497119xxx do USA cấp; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 1xx F, C, GA 39xxx, United States of America. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.6. Ông Nguyễn Ái Q (tên đăng ký nước ngoài: (Q AI NGUYEN) (NGUYEN Q AI), sinh năm 1962, Hộ chiếu số 495198xxx do USA cấp; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: 2xxx S, J, GA 30xxx, United States of America. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.7. Ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1976, CCCD số 048076000xxx;

3.8. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1975, CCCD số 048175000xxx.

3.9. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1983, CCCD số 048083004xxx.

Cùng địa chỉ: K4x/xx Đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông D, bà P, ông D có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2024, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/8/2024, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Cha mẹ ruột của bà Nguyễn Thị N là cụ Nguyễn Đ (sinh năm 1916, chết năm 1972) và cụ Nguyễn Thị B (sinh năm 1922, chết năm 2013), không để lại di chúc. Cụ Đ và cụ B sinh được 08 người con, gồm có: Bà Nguyễn Thị X (1949); Ông Nguyễn L (1951); Bà Nguyễn Thị N (1953); Bà Nguyễn Thị Hồng T (1956); Ông Nguyễn H (1958); Ông Nguyễn Hu (1960); Ông Nguyễn Ái Q (1962) và bà Nguyễn Thị N (1965). Cụ Đ và cụ B không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ruột của cụ Đ cụ B cũng đã chết trước cụ Đ cụ B.

Cụ Đ và cụ B có tạo lập được nhà và đất tại thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 2x, diện tích 146,9 m² địa chỉ tại K4x/0x đường X, tổ 1x, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H cũ), đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số sổ 340105xxxx ngày 8/5/2001 (gọi tắt là nhà đất K4x/0x Đường X).

Từ nhỏ đến lớn, bà Nguyễn Thị N là người ở cùng với mẹ là cụ B và sau khi lập gia đình, vợ chồng và các con của bà N cũng cùng chung sống với mẹ bà N tại ngôi nhà K4x/0x nêu trên. Bà N là người trực tiếp phụng dưỡng, chăm sóc cụ B cho đến khi mẹ qua đời. Lúc mẹ còn sống, cụ B cũng muốn tặng cho bà N ngôi nhà và đất nêu trên nhưng chưa kịp làm thủ tục tặng cho thì qua đời. Hiện nay, mọi người trong gia đình đã nhiều lần bàn bạc thống nhất phương án muốn bà N là người được toàn quyền, quản lý sử dụng ngôi nhà và đất nêu trên nhưng, anh trai là ông Nguyễn L không đồng ý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định pháp luật, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà Nguyễn Thị N làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết:

- Yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là cụ Nguyễn Đ và cụ Nguyễn Thị B để lại là nhà và đất tại thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 2x, diện tích 146,9m², địa chỉ tại K4x/0x đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường T, quận H cũ) đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số sổ 340105xxx ngày 08/05/2001. Bà N yêu cầu được nhận kỷ phần di sản thừa kế tương ứng với 1/8 giá trị di sản.

- Yêu cầu được chia công chăm sóc mẹ là cụ Nguyễn Thị B và quản lý di sản là 10% giá trị di sản nêu trên cho bà N.

- Bà N có nguyện vọng nhận hiện vật là nhà và đất nói trên và đồng ý thôi trả kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác theo quy định pháp luật.

Bà N thống nhất với kết quả thẩm định giá về nhà đất K4x/0x đường X có giá trị là 10.356.302.222 đồng. Trong đó, quyền sử dụng đất ở là 9.512.937.126 đồng; Giá trị công trình xây dựng trên đất là 843.365.096 đồng, (có phần cải tạo, sửa chữa

nhà 03 tầng của bà N có giá trị là 187.747.500 đồng; phần cải tạo, sửa chữa nhà 02 tầng của ông L có giá trị là 167.994.030 đồng).

** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 05/11/2024 và trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn L trình bày:*

Ba mẹ ông là cụ Nguyễn Đ và cụ Nguyễn Thị B có 08 người con như bà Nguyễn Thị N trình bày trên. Cha mẹ ông có khối tài sản là ngôi nhà và đất tại địa chỉ tại K4x/0x đường X được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 340105xxxx ngày 08/05/2001 như bà N khởi kiện. Nguồn gốc ngôi nhà và đất do cha mẹ tạo lập từ trước năm 1975 và trước khi mất cha mẹ ông không có lập di chúc.

Hiện nay nhà đất tại K4x/0x đường X đang do gia đình ông L ở, quản lý sử dụng và thờ cúng ông bà. Quá trình quản lý, sử dụng ông L có bỏ tiền cải tạo, sửa chữa thêm đối với ngôi nhà, nhưng không còn nhớ chính xác số tiền bao nhiêu, đề nghị Tòa án xác định giá trị theo kết quả thẩm định giá tài sản.

Các anh chị em của ông, trong đó có bà Nguyễn Thị N đang định cư và sinh sống ở Hoa Kỳ. Khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ kiện chia di sản thừa kế các anh chị em của ông, trong đó có bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn H biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, còn ý kiến của họ như thế nào thì ông L không rõ.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn L không đồng ý việc bà Nguyễn Thị N xin nhận hiện vật là nhà đất tại địa chỉ tại K4x/0x đường X. Vì đây là di sản của cha mẹ để lại, các anh chị em muốn giữ lại ngôi nhà và đất này làm nơi thờ cúng ông bà cha mẹ, là nơi lưu giữ nhiều kỷ niệm gia đình và gắn kết tình thân của anh chị em. Nếu bà N yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông L xin được nhận hiện vật là ngôi nhà và đất tại K4x/0x đường X và chịu trách nhiệm bồi đắp lại kỷ phần thừa kế của bà N theo quy định của pháp luật. Đây cũng là nguyện vọng của các anh em trai ông được giữ lại ngôi nhà để có nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Về việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án chia 10% giá trị di sản đối với công sức chăm sóc mẹ và công sức quản lý di sản cho bà N, là không có cơ sở vì bà N được bảo lãnh sang Hoa Kỳ từ năm 2013, trước đó toàn bộ số tiền xây cất nhà cửa và chăm sóc sức khỏe mẹ ông đều do các chị em từ nước ngoài gửi về (đều vượt biên sang Mỹ từ trước năm 1982) nên việc bà N yêu cầu phân chia công sức bằng 10% giá trị nhà, tài sản nhà đất là không thực tế. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu này.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn L còn cho rằng tính về công sức chăm sóc cha mẹ, quản lý di sản thì công của ông là lớn nhất. Từ nhỏ đến giờ ông ở với cha mẹ, lo cho các anh em đến khi các anh chị em ra nước ngoài định cư. Sau khi mẹ chết mình ông ở lại Việt Nam quản lý nhà đất do cha mẹ để lại và thờ cúng ông bà tổ tiên. Do đó,

đề nghị xem xét công sức cho ông. Ông L thống nhất với kết quả thẩm định giá đối với nhà đất tại K4x/0x đường X có giá trị là 10.356.302.222 đồng. Trong đó, quyền sử dụng đất ở là 9.512.937.126 đồng; Giá trị công trình xây dựng trên đất là 843.365.096 đồng (có phần cải tạo, sửa chữa nhà 03 tầng của bà N có giá trị là 187.747.500 đồng và phần cải tạo, sửa chữa nhà 02 tầng của ông L có giá trị là 167.994.030 đồng).

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Các Ông/Bà, gồm: Nguyễn Thị N, tại Văn bản trình bày ý kiến có chứng nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại S, Hoa Kỳ ngày 03/12/2024, Nguyễn Thị Hồng T tại Văn bản trình bày ý kiến có chứng nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại S, Hoa Kỳ ngày 14/11/2024; Nguyễn H tại Văn bản trình bày ý kiến có chứng nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại S, Hoa Kỳ ngày 22/11/2024 và Nguyễn Ái Q tại Văn bản trình bày ý kiến có chứng nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại S, Hoa Kỳ ngày 22/11/2024 đã trình bày thống nhất như sau:

Bà N, bà T, ông H và ông Q là con ruột của ông Nguyễn Đ (chết năm 1972) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 2013). Ông Đ và bà B có 08 người con là: Bà Nguyễn Thị X (1949), Ông Nguyễn L (1950), bà Nguyễn Thị N (1953), bà Nguyễn Thị Hồng T (1956), Ông Nguyễn H (1958), Ông Nguyễn H (1960), Ông Nguyễn Ái Q (1962) và Bà Nguyễn Thị Ng (1965). Ông Đ và bà B không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ruột của ông Đ và bà B đều chết trước ông Đ và bà Ba. Cha mẹ các ông/bà chết không để lại di chúc.

Cha mẹ các ông/bà có khối tài sản là ngôi nhà và đất tại thửa đất số 1xx; tờ bản đồ số 2x; diện tích 146,9m²; địa chỉ tại K4x/0x đường X, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 340105xxxx ngày 08/05/2001. Lúc mẹ (cụ B) còn sống thì em gái các ông/bà là Nguyễn Thị N là người trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng chu đáo cho đến khi qua đời vào năm 2013. Lúc mẹ còn sống thì có ý muốn tặng cho nhà đất trên cho bà N nhưng chưa làm thủ tục kịp thì đã qua đời.

Bà N, bà T, ông H và ông Q đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, đề nghị: Phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là nhà đất tại địa chỉ tại K4x/0x đường X theo quy định của pháp luật; Chấp nhận về công sức chăm sóc mẹ và công sức quản lý di sản, công sức tu sửa lại ngôi nhà là 10% giá trị di sản cho bà Nguyễn Thị N.

Đối với kỷ phần thừa kế mà bà N, bà T, ông H và ông Q được nhận theo quy định của pháp luật, thì xin tặng lại cho em gái là bà Nguyễn Thị N. Đồng thời, đề nghị Tòa án phân chia bằng hiện vật cho bà N có nghĩa vụ thối trả lại cho các đồng thừa kế khác.

Về việc định giá tài sản để làm cơ sở giải quyết vụ án, các ông/bà đồng ý theo ý kiến của bà Nghĩa. Đồng thời xin vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, xem xét thực địa, phiên định giá cũng như tất cả các phiên tòa từ sơ thẩm đến phúc thẩm (nếu có).

- Đối với ông Nguyễn Hi (NGUYEN H) và bà Nguyễn Thị X (X TRAN), đã nhận được thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo về quá trình giải quyết vụ án, thời gian mở phiên tòa, nhưng không có ý kiến bằng văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không tham gia phiên tòa.

- Ông Nguyễn Khắc D, bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Đức D cùng thống nhất trình bày:

Thống nhất với nội dung trình bày của ông Nguyễn Li, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Khắc D và ông Nguyễn Đức D là con ông Nguyễn L từ nhỏ sống cùng ông L tại địa chỉ K4x/0x Đường X. Sau khi ông D lấy vợ là bà Nguyễn Thị Bích P thì vợ chồng con cái vẫn sinh sống cùng ông L tại địa chỉ này.

Về chi phí cải tạo, sửa chữa thêm đối với ngôi nhà 02 tầng tại địa chỉ K4x/0x Đường X, do ông L và vợ chồng con trai là ông Nguyễn Khắc D và bà Nguyễn Thị Bích P bỏ tiền để cải tạo, sửa chữa thêm, nhưng không còn nhớ chính xác nên đề nghị Tòa án xác định giá trị theo kết quả thẩm định giá tài sản. Vợ chồng ông D và ông D thống nhất về giá trị cải tạo, sửa chữa thêm đối với nhà 02 tầng như kết quả thẩm định giá và xác định đó là tài sản của cha là ông L, nên đề nghị trừ phần này ra cho ông L trước khi chia thừa kế. Đồng thời không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

Ông D, bà P và ông D cũng xác định khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ kiện chia di sản thừa kế, thì các cô và chú, trong đó có ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị X có biết việc Tòa án thụ lý giải quyết và cũng có ý kiến là để cái nhà lại làm nhà thờ, khi nào những người ở nước ngoài về có chỗ để ở, không giao ai cả.

* Tại phiên tòa:

- Luật sư Lý Vinh H là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, cụ thể: Tính công sức chăm sóc mẹ và công sức quản lý di sản cho bà N là 10% trên tổng giá trị di sản là nhà đất tại 4x/0x đường X, giá trị nhà đất còn lại chia thừa kế theo pháp luật cho 08 đồng thừa kế là các con cụ Đ, cụ B mỗi người mỗi kỷ phần bằng nhau; Ghi nhận các kỷ phần thừa kế của bà N, bà T, ông H và ông Q tặng cho bà N; Giao cho bà N được hưởng thừa kế bằng hiện vật

là nhà đất tại 4x/0x đường X, bà N có nghĩa vụ thối trả lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

- Luật sư Hà Đồng T là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm, xét về công sức chăm sóc cha mẹ, công sức quản lý di sản của ông L là nhiều hơn bà N, từ năm 2013 bà N đã đi định cư tại nước ngoài đến nay, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu tính công sức chăm sóc mẹ và công sức quản lý di sản cho bà N là 10% trên tổng giá trị di sản, xem xét tính công sức quản lý di sản cho ông L và trừ phần giá trị ông L đã bỏ ra cải tạo, sửa chữa ngôi nhà 02 tầng sau đó mới chia thừa kế theo pháp luật cho 08 đồng thừa kế; Giao cho ông L thừa kế bằng hiện vật nhà là nhà đất tại 4x/0x đường X, ông L có nghĩa vụ thối trả lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác, không chấp nhận giao nhà đất cho bà N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình vụ án được thụ lý đến xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Bà N khởi kiện di sản là nhà đất và 07 đương sự với tư cách tố tụng là nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cư trú tại Hoa Kỳ, cụ Đ chết trước năm 1991 nên thời gian từ ngày 01-7-1996 đến ngày 01-01-1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện. Căn cứ hướng dẫn tại mục I Công văn số: 01/GĐ-TANDTC ngày 05-01-2018 của Tòa án nhân dân tối cao về Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ và khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì ngày 08 tháng 7 năm 2024, bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Đ và cụ B vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Căn cứ Điều 612, Điều 613, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015, Án lệ 06/2016, đề nghị HĐXX sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*” đối với bị đơn ông Nguyễn L.

Di sản của cụ Nguyễn Đ, cụ Nguyễn Thị B là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 2x, diện tích 146,9 m² địa chỉ tại K4x/0x Đường 3-2, tổ 1x, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng) đã được UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 340105xxxx ngày 8/5/2001.

Trích trả giá trị sửa chữa, cải tạo thành khu nhà 03 tầng bằng giá trị là 187.747.500 đồng cho bà Nguyễn Thị N.

Trích trả giá trị sửa chữa, cải tạo thành khu nhà 02 tầng bằng giá trị là 167.994.030đ đồng cho ông Nguyễn L.

Sau khi trừ đi giá trị sửa chữa nhà cho bà Nguyễn Thị Na, ông Nguyễn L, di sản có giá trị là 10.000.560.692 đồng.

Trích công sức chăm sóc cha mẹ, quản lý di sản cho bà Nguyễn Thị N từ 03-05%; trích công sức chăm sóc cha mẹ, quản lý di sản cho ông Nguyễn L từ 05-10%.

- Sau khi trích công sức, chia di sản thừa kế thành 08 phần cho các ông bà: Nguyễn Thị X, Nguyễn L, Nguyễn Thị Nụ, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn H, Nguyễn H, Nguyễn Ái Q, Nguyễn Thị N (08 kỷ phần). Mỗi người được 1/8 kỷ phần.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn H, Nguyễn Ái Q tặng cho kỷ phần của mình cho bà Na. Do đó bà Na được chia và được tặng cho 05/08 phần.

- Giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1xx, tờ bản đồ số 2x, diện tích 146,9 m² địa chỉ tại K4x/0x1 Đường X, tổ 1x, phường T, quận H, Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng) cho ông Nguyễn L sở hữu, sử dụng, ông Nguyễn L có nghĩa vụ bồi trả cho các đương sự khác bằng giá trị.

Ông Nguyễn L được liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất được giao sau khi thực hiện xong nghĩa vụ bồi trả theo quy định pháp luật.

Án phí DSST: Các đương sự trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí đề nghị được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Các chi phí tố tụng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*” do vụ án có đương sự là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Cụ ông Nguyễn Đ, sinh năm 1916, chết năm 1972 theo Trích lục khai tử số: 24 ngày 09/11/1972. Cụ bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1922, chết năm 2013, theo Giấy chứng tử do phường T, quận H,, Tp Đà Nẵng (cũ) cấp ngày 22/11/2013.

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Mục 1 Phần III Giải đáp vướng mắc số: 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 và Phần I Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số: 01/GĐ-

TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*". Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế.

Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Khi xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế mà thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/7/1991 và di sản là nhà ở, thì thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/9/2006 không tính vào thời hiệu đối với trường hợp thừa kế có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia.

Cụ Đ chết năm 1972, thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990, di sản thừa kế cụ Đ để lại có nhà ở và thuộc trường hợp thừa kế có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia, nên thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/9/2006 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với di sản do cụ Đ để lại. Cụ Nguyễn Thị B chết năm 2013. Ngày 10/7/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện vụ án yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Đ và cụ B là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở là còn thời hiệu.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông/bà: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn H và Nguyễn Ái Q có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa và xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[4] Về hàng thừa kế, kỹ phần được hưởng: Cụ Nguyễn Đ và cụ Nguyễn Thị B chết không để lại di chúc, nên di sản của cụ Đ và cụ B để lại được chia theo pháp luật. Theo Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm: "*Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết*". Cụ Đ và cụ B có 08 (tám) người

con là các ông/bà: Nguyễn Thị X (1959), Nguyễn L (1951), Nguyễn Thị N (1953), Nguyễn Thị Hồng T (1956), Nguyễn H (1958), Nguyễn H (1960), Ông Nguyễn Ái Q (1962) và Nguyễn Thị N (1965). Cha mẹ cụ Đ và cụ B đều chết trước cụ Đ và cụ B. Cụ Đ chết năm 1972, cụ B chết năm 2013. Như vậy, hàng thừa kế của cụ Đ gồm: vợ là cụ B và 08 người con là: bà X, ông L, bà N, bà T, ông H, ông Hu, ông Q và bà N, do đó, di sản của cụ Đ chia làm 09 kỷ phần bằng nhau. Hàng thừa kế của cụ B gồm 08 người con: bà X, ông L, bà N, bà T, ông H, ông H, ông Q và bà N, do đó, di sản của cụ B được chia làm 08 kỷ phần bằng nhau.

[5] Về di sản thừa kế và giá trị kỷ phần thừa kế:

[5.1] Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1xx; tờ bản đồ số 2x; diện tích 146,9m²; địa chỉ tại K4x0x đường X, phường H, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 340105xxxx ngày 08/05/2001 (*gọi tắt là nhà đất K4x/0x đường X*). Tất cả các đương sự trong vụ án đều thống nhất xác định đây là tài sản do cụ Đ và cụ B tạo dựng và là di sản duy nhất do cụ Đ và cụ B để lại, không có tài sản nào khác. Tất cả các đương sự trong vụ án cũng xác nhận cụ Đ và cụ B không có nghĩa vụ đối với khoản nợ nào trước khi chết. Qua xem xét thực tế, công trình xây dựng trên đất thay đổi so với Giấy chứng nhận, cụ thể: ngôi nhà được xây dựng năm 1991 có 02 khối nhà. Khối nhà thứ nhất trước đây do bà N quản lý, sử dụng, năm 2005 bà N có sửa chữa, cải tạo thành khu nhà 03 tầng với giá trị sửa chữa theo kết quả định giá là 187.747.500 đồng. Khối nhà thứ 2 có 02 tầng, khu nhà này ông L và vợ chồng con trai là ông Nguyễn Khắc D và bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Đức D, quản lý sử dụng có sửa chữa, cải tạo với giá trị sửa chữa theo kết quả định giá là 167.994.030 đồng. Các bên đương sự đề nghị trừ giá trị phần cải tạo, sửa chữa của bà N và ông L ra trong khối di sản để trả lại giá trị cho bà N và ông L trước khi chia thừa kế là có căn cứ cần chấp nhận. Như vậy, di sản của Đ và cụ B để lại là toàn bộ nhà, đất K4x/0x đường X, sau khi trừ đi giá trị phần cải tạo, sửa chữa của bà N và ông L theo giá trị định giá.

[5.2] Theo Chứng thư thẩm định giá số: 4xx/2025/8x ngày 03/4/2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tài chính B thì nhà, đất đất K4x/0x đường X có giá trị là 10.356.302.222 đồng. Trong đó, quyền sử dụng đất ở là 9.512.937.126 đồng; Giá trị công trình xây dựng trên đất là 843.365.096 đồng, trong đó: phần cải tạo, sửa chữa nhà 03 tầng của bà N có giá trị là 187.747.500 đồng, phần cải tạo, sửa chữa nhà 02 tầng của ông L có giá trị là 167.994.030 đồng. Các bên đương sự tại phiên tòa đều thống nhất với giá trị nhà đất K4x/0x đường X theo Chứng thư thẩm định giá. Như vậy, di sản là nhà, đất K4x/0x đường X do cụ Đ và cụ B để lại (sau khi trừ giá trị cải tạo, sửa chữa của bà N và ông L) có tổng giá trị là

$(10.356.302.222 \text{ đồng} - 187.747.500 \text{ đồng} - 167.994.030 \text{ đồng}) = \mathbf{10.000.560.692 \text{ đồng.}}$

[5.3] Nguyên đơn bà N và bị đơn ông L đều có yêu cầu yêu cầu tính công sức trong việc chăm sóc mẹ là cụ B và quản lý, duy trì, tôn tạo làm tăng giá trị di sản thừa kế. Bà N cùng bà N, bà T, ông H và ông Q đều đề nghị tính công sức cho bà N là 10%/tổng giá trị di sản. Ông L không đưa ra mức yêu cầu cụ thể tính công sức quản lý di sản nhưng cho rằng ông là người có công sức lớn nhất. Xét, bà N và ông L cùng sống với cụ B tại nhà đất K4x/0x đường X. Bà N và ông L cùng có cải tạo, sửa chữa nhà đất là di sản thừa kế, cùng có công sức trong việc chăm sóc cụ B lúc còn sống cũng như công sức quản lý di sản thừa kế. Tuy nhiên, năm 2013 cụ B chết thì bà N cùng gia đình cũng ra nước ngoài định cư. Tất cả anh chị em đều ở nước ngoài, mình ông L cùng gia đình ở Việt Nam tiếp tục quản lý nhà đất để làm nơi thờ cúng, giữ gìn, tôn tạo đối với di sản thừa kế cho đến nay. Do đó, bà N cùng bà N, bà T, ông H và ông Q đều đề nghị tính công sức cho bà N là 10%/tổng giá trị di sản là chưa phù hợp. Ông L phải có công sức nhiều hơn, hiện mình ông L ở lại Việt Nam nên việc thờ tự ông bà tổ tiên ông phải lo. Do đó, HĐXX chấp nhận mức công sức trong việc chăm sóc cụ B lúc còn sống cũng như công sức đóng góp, quản lý di sản cho bà N là 05%/tổng giá trị di sản $(10.000.560.692 \text{ đồng} \times 05\%) = 500.028.034 \text{ đồng}$ (làm tròn là 500.028.000 đồng) và ông L là 10%/tổng giá trị di sản: $(10.000.560.692 \text{ đồng} \times 10\%) = 1.000.056.069 \text{ đồng}$ (làm tròn là 1.000.056.000 đồng).

[5.4] Tổng giá trị di sản sau khi trừ đi 05% cho bà N (500.028.000 đồng) và 10% cho ông L (1.000.056.000 đồng), còn lại 8.500.476.692 đồng (làm tròn là 8.500.476.700 đồng). Trong đó, cụ Đ và cụ B mỗi người có quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ nhà, đất K4x/0x đường X tương đương với giá trị là: $(8.500.476.700 \text{ đồng} / 2 = 4.250.238.350 \text{ đồng})$.

Như đã phân tích tại phần [4], giá trị di sản của cụ Đ là 4.250.238.350 đồng được chia 09 kỷ bằng nhau cho 09 người thừa kế gồm cụ B và 08 người: ông L, bà N, bà T, Ông H, Bà X, Ông H, Ông Q và bà Bà N, mỗi kỷ phần là $(4.250.238.350 \text{ đồng} / 9) = 472.248.700 \text{ đồng}$. Giá trị di sản của cụ B để lại là 4.722.487.050 đồng, (gồm $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất K4x0x đường X là 4.250.238.350 đồng và kỷ phần được hưởng từ cụ Đ là 472.248.700 đồng), được chia 08 kỷ phần cho 08 người thừa kế gồm: Bà X, ông L, bà N, bà T, Ông H, Ông H, Ông Q và bà Bà N, mỗi kỷ phần là: $(4.722.487.050 \text{ đồng} / 8) = 590.310.880 \text{ đồng}$.

Như vậy, kỷ phần nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được hưởng gồm tiền cải tạo, sửa chữa di sản, tiền tính công sức và kỷ phần được hưởng thừa kế từ cụ Đ và cụ B: $(187.747.500 \text{ đồng} + 500.028.000 \text{ đồng} + 472.248.700 \text{ đồng} + 590.310.880 \text{ đồng}) = \mathbf{1.750.335.080 \text{ đồng.}}$

Kỷ phần bị đơn ông Nguyễn L được hưởng gồm tiền cải tạo, sửa chữa di sản, tiền tính công sức và kỷ phần được hưởng thừa kế từ cụ Đ và cụ B ($167.994.030 \text{ đồng} + 1.000.056.000 \text{ đồng} + 472.248.700 \text{ đồng} + 590.310.880 \text{ đồng}$) = **2.230.609.600 đồng**.

Những người được hưởng thừa kế còn lại, gồm: Bà X, bà N, ông H, bà T, ông H, ông Q, mỗi người được hưởng kỷ phần di sản do cụ Đ và cụ B để lại là ($472.248.700 \text{ đồng} + 590.310.880 \text{ đồng}$) = **1.062.559.580 đồng**.

[5.5] Những người được nhận thừa kế, gồm bà N, bà T, Ông H và ông Q đều tự nguyện tặng cho toàn bộ giá trị kỷ phần của mình được hưởng thừa kế lại cho bà N. Xét thấy, việc tặng cho giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế của những người này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được nhận tổng giá trị là: $1.750.335.080 \text{ đồng} + (1.062.559.580 \text{ đồng} \times 4) = \textbf{6.000.573.400 đồng}$. Trong đó, giá trị di sản bà N được thừa kế là 1.750.335.080 đồng, giá trị di sản được tặng cho là 4.250.238.320 đồng.

[5.6] Đối với bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn H được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật mỗi người là 1.062.559.580 đồng như nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không tham gia phiên tòa. Do vậy, kỷ phần thừa kế của bà X và ông H được hưởng tạm giao cho bị đơn là ông L quản lý, khi bà X và ông H có yêu cầu thì ông L phải có nghĩa vụ thanh toán lại kỷ phần họ được hưởng.

[5.7] Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật là nhà, đất tại 4x/0x đường X. Tuy nhiên, bà N và cả gia đình đã định cư tại nước ngoài từ năm 2013, hiện chỉ có ông L và 02 con trai, con dâu và cháu ông L đang quản lý, sử dụng nhà đất này và là nơi duy nhất ông L và các con, cháu ông L ở và thờ tự ông bà. Do đó, giao toàn bộ di sản cho ông L tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu là phù hợp, bà N yêu cầu được nhận nhà đất thừa kế là không phù hợp. Ông L có nghĩa vụ thối trả lại kỷ phần bà N được hưởng và được các đồng thừa kế khác tặng cho với tổng giá trị là 6.000.573.400 đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn L đều đã trên 60 tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định giá: 45.000.000đ, theo Hợp đồng Tư vấn Dịch vụ thẩm định giá số 5250xxxx/BTCMT-TATP/03-25 ngày 18/3/2025 và Phiếu thu ngày 04/4/2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và dịch vụ tài chính B và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ. Tổng cộng là 47.000.000đ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn L chịu tương ứng với phần di sản mình được hưởng. Trong đó, bà N chịu 27.260.000đ, ông L chịu 19.740.000đ. Bà N đã tạm ứng và đã chi, do đó ông L có trách nhiệm trả lại cho bà N số tiền 19.740.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 2 Điều 227, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 4 Nghị quyết: 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 620, Khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật*” của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N.

1.1. Xác định: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1xx; tờ bản đồ số 2x; diện tích 146,9m²; địa chỉ tại K4x/0x đường X, phường H (phường T, quận H cũ), thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 340105xxxx ngày 08/05/2001 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ và cụ Nguyễn Thị B.

1.2. Giao toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1xx; tờ bản đồ số 2x; diện tích 146,9m²; địa chỉ tại K4x/0x đường X 2, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 340105xxxx ngày 08/05/2001 cho ông Nguyễn L sử dụng, sở hữu.

1.3. Ông Nguyễn L có nghĩa vụ thối trả lại kỷ phần thừa kế bà Nguyễn Thị N được hưởng và được các đồng thừa kế khác tặng cho với tổng giá trị là **6.000.573.400 đồng**.

1.4. Tạm giao giá trị kỷ phần thừa kế bà Nguyễn Thị Xn (X Tran) và ông Nguyễn H (NGUYEN H) được hưởng, mỗi người số tiền là 1.062.559.580 đồng cho ông Nguyễn L quản lý. Trường hợp, bà X và ông H có yêu cầu thì ông L có nghĩa vụ trả lại giá trị kỷ phần thừa kế của bà X và ông H mà ông L được tạm giao quản lý.

1.5. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thối trả lại kỷ phần bà N được hưởng và được các đồng thừa kế khác tặng cho với tổng giá trị là 6.000.573.400 đồng thì ông Nguyễn L được quyền tự liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý biến động đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với toàn bộ nhà đất được giao thừa kế nêu trên.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng; Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tổng cộng 47.000.000đ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã nộp và đã chi. Do đó, ông Nguyễn L có trách nhiệm trả lại cho bà Nghĩa số tiền là 19.740.000 đồng.

4. Án xử công khai, tuyên án có mặt: nguyên đơn và bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Riêng đương sự định cư tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Cao Văn Hiếu